TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 294/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2023
Về việc: "Xin ly hôn" .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Nhật Tân và bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Trần Trọng Khánh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2023, về việc: "Xin ly hôn, nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2023/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1409/2023/QĐST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ G, sinh năm 1986, có mặt

Địa chỉ: Thôn Q, xã Ph, huyện T tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1974, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Ph, huyện T tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

T*heo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại các bản khai*, tại phiên tòa *chị Nguyễn Thị Mỹ G trình bày*: Giữa chị với anh Nguyễn Thành T1 do mai mối, sau đó tự tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, ngày 14-12-2004. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 thường xuyên uống rượu về gây sự, đánh đập chị nhiều lần, một mặt anh T1 không tin tưởng tình cảm vợ chồng của chị giành cho anh, hay ghen tuông, thường xuyên đến nơi chị làm việc gây sự. Quá trình mâu thuẫn kèo dài, do nghĩ đến con nên chịu đựng. Sau đó gia đình khuyên can nhưng anh T1 vẫn không khắc phục, nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Nên vợ chồng không còn chung sống từ năm tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Vì vậy hiện giờ tình cảm vợ chồng

không còn nữa nên chị G xin ly hôn anh T1. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thái D, sinh ngày 31-5-2006, Nguyễn Thị Ái Th, sinh ngày 25/12/2009, Nay ly hôn tùy các con muốn ở với ai, nếu các con mong muốn ở với chị thì chị xin nuôi, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản không nợ ai nên chị cũng không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị G không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Nguyễn Thành T1 vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G ly hôn với anh T1. Về quan hệ nuôi con chung: Đề nghị giao con chung chị G và anh T1 tên là Nguyễn Thái D, sinh ngày 31-5-2006 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung tên là Nguyễn Thị Ái Th, sinh ngày 25/12/2009 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, hiện cháu Th đang ở cùng chị G, cháu D đang ở cùng anh T1, chị G không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Chị G khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Nguyễn Thành T1 cư trú tại Thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh T1 vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ G thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Nguyễn Thị Mỹ G và anh Nguyễn Thành T1 do mai mối, sau đó tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph , ngày 04/01/2005,

nên hôn nhân giữa chị G và anh T1 là hợp pháp. Theo chị G khai trong thời gian sống chung anh T1 không tin tưởng vào tình cảm vợ chồng, ghen tuông vô cớ, hay uống rượu về đánh đập chị nhiều lần, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng không thể hòa giải được. Trong khi Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của chị G tại nơi anh T1 cư trú nhưng anh T1 vẫn không đến Tòa, cũng không có bản trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ anh T1 không mong muốn vun đắp cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị G và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị G được ly hôn anh T1.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị G và anh T1 có 02 con chung tên tên là Nguyễn Thái D, sinh ngày 31-5-2006, Nguyễn Thị Ái Th, sinh ngày 25/12/2009, hiện cháu Dương đang ở cùng anh T1, cháu Thương đang ở cùng chị G. Nay ly hôn chị G để các con quyết định thì cháu D muốn ở cùng ba và chàu Th muốn ở cùng mẹ, do đó Hội đồng xét xử xét theo nguyện vọng của các con, giao cháu D cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Th cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, hiện cháu Th đang ở cùng chị G, cháu D đang ở cùng anh T1 là phù hợp. Chị G không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị G khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ G ly hôn anh Nguyễn Thành T1.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Chị G và anh T1 có 02 con chung tên là Nguyễn Thái D, sinh ngày 31-5-2006, Nguyễn Thị Ái Th, sinh ngày 25/12/2009. Giao cháu D cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Th cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, hiện cháu D đang ở cùng anh T1, cháu Th đang ở cùng chị G . Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên Tòa không xét. Bên không trực

tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị G phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001613, ngày 28-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26-9-2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GĐKT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã Ph
Số 83, ngày 14/12/2004)
-Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

Nguyễn Thị Thu Hiền Phạm Thị Tuyết Mai Trần Thị Bích Thủy